

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NUỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUÂN TÂN BÌNH - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Tuấn Nhu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thành Lâm
2. Ông Đỗ Quang Lý

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Đài Trang, Thư ký Tòa án nhân dân
quận Tân Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Trúc Giang, Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2018 tại Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 165/2018/TLST-DS ngày 26 tháng 3 năm 2018 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 155/2018/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 7 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 207/2018/QĐST-DS ngày 15 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Kim L, năm sinh 1968; địa chỉ: Số 691/22/11 KP V, Phường T, Quận U, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

2. *Bị đơn*: Bà Nguyễn Thị N, năm sinh 1961; địa chỉ: Số 33/32/19/10 Đường S, Phường M, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các biên bản hòa giải, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim L trình bày: Ngày 20/10/2015, bà Nguyễn Thị N có nhờ bà vay số tiền 70.000.000 đồng với điều kiện là bà N phải lập di chúc để lại số tiền được hưởng trong hợp đồng bảo hiểm của bà N cho bà. Sau đó, bà N nhờ bà vay tiếp số tiền 90.000.000 đồng và hứa sẽ trả trong vòng 03 tháng, thực tế bà N cũng đã trả cho bà được 10.000.000 đồng thì ngưng. Để thống nhất cho các khoản vay nên ngày

11/01/2016, bà L và bà N có làm giấy vay tiền, theo đó bà N xác nhận có vay của bà L số tiền 150.000.000 đồng và hai bên thỏa thuận bà N sẽ trả tiền cho bà L thành nhiều đợt, cụ thể 03 tháng đầu (từ 1/4/2016 đến 1/7/2017) mỗi tháng trả 5.000.000 đồng, từ 09 tháng kế tiếp trả 15.000.000 đồng/tháng và trả hết nợ trong vòng một năm. Sau khi làm giấy xong thì bà N không thực hiện như đã thỏa thuận, bà L đã nhiều lần liên hệ bà N nhưng không được. Nay, bà L khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị N phải trả số tiền 150.000.000 đồng.

Bị đơn bà Nguyễn Thị N vắng mặt không lý do tại các buổi làm việc, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải của Tòa án và cũng không có ý kiến bằng văn bản gửi cho Tòa án nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của bà N.

Tại phiên tòa;

Bà Nguyễn Thị Kim L xác định yêu cầu khởi kiện buộc bà Nguyễn Thị N phải trả số tiền nợ còn thiếu là 150.000.000 đồng, không yêu cầu bà N trả tiền lãi và trả một lần sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn bà Nguyễn Thị N vắng mặt không lý do mặc dù đã được Tòa án niêm yết quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa Thẩm phán đã thực hiện đúng nội dung quy định tại Điều 48 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án: Tại phiên tòa, nguyên đơn trình bày có nội dung mâu thuẫn với các tài liệu chứng cứ khác làm cho các tài liệu, chứng cứ mâu thuẫn với nhau, cụ thể:

Nguyên đơn khai toàn bộ giấy vay tiền giữa 02 bên do nguyên đơn viết, bị đơn chỉ ký tên. Khi làm giấy vay nợ không có mặt nhân chứng là bà Trần Thị H nhưng trong giấy vay có chữ ký bà H. Như vậy, giấy vay tiền nêu trên không thể hiện rõ bị đơn thừa nhận nợ như nguyên đơn trình bày, ngoài ra không có chứng cứ khác thể hiện nguyên đơn đã giao tiền cho bị đơn.

Tại phiên tòa, nguyên đơn khai nguồn gốc số tiền cho vay lần 1 là do nguyên đơn vay từ Quỹ tín dụng nhân dân Quận U. Tuy nhiên, số tiền vay từ quỹ tín dụng chỉ có 50.000.000 đồng còn nguyên đơn cho bị đơn vay 70.000.000 đồng. Số tiền chênh lệch 20.000.000 đồng nguyên đơn không giải thích được trong khi nguyên đơn thuộc diện hộ cận nghèo thu nhập 1.300.000 đồng/tháng. Ngoài ra, nguyên đơn khai cho vay lần 1 là ngày 20/5/2015 nhưng đến ngày 12/11/2015, nguyên đơn ký hợp đồng vay quỹ tín dụng nhân dân. Như vậy là các tài liệu, chứng cứ có mâu thuẫn với nhau.

Bởi các lẽ trên, đề nghị Hội đồng xét xử hoãn phiên tòa để nguyên đơn làm rõ mâu thuẫn và bổ sung chứng cứ đầy đủ để có thể xác định sự thật vụ án và phù hợp với qui định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Xét bà Nguyễn Thị Kim L khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị N trả số tiền gốc còn thiếu, Hội đồng xét xử xét thấy đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân năm 2015.

[2] Về thẩm quyền: Xét bị đơn bà Nguyễn Thị N có địa chỉ thường trú tại: Số 33/32/19/10 Đường S, Phường M, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh nên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân quận Tân Bình theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố Tụng dân sự năm 2015.

[3] Xét tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình đề nghị Hội đồng xét xử hoãn phiên tòa để làm rõ mâu thuẫn và yêu cầu nguyên đơn bổ sung chứng cứ đầy đủ để có thể xác định sự thật vụ án và giải quyết theo đúng qui định của pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy tại phần tham gia phản hồi của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình có đặt một số câu hỏi đối với nguyên đơn để xác minh về nguồn gốc tại sao nguyên đơn lại có tiền cho bị đơn vay trong khi nguyên đơn lại thuộc diện hộ cận nghèo cũng như không thể hiện nguyên đơn đã giao tiền cho bị đơn. Về nguồn gốc số tiền bà L có để cho bà N vay, bà L trả lời đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình số tiền này bà có được do vay vốn của Quỹ Tín dụng nhân dân E (Quận U) nhưng bà không nêu thống nhất về số tiền và thời điểm vay vốn của Quỹ Tín dụng nhân dân E. Hội đồng xét xử xét thấy những tài liệu, chứng cứ mà bà L nộp chỉ nhằm mục đích tham khảo chứ không phải những tài liệu, chứng cứ liên quan trực tiếp đến quan hệ vay tiền giữa bà L và bà N mà tài liệu, chứng cứ trực tiếp liên quan đến việc tranh chấp giữa bà L với bà N là Giấy vay tiền ngày 11/01/2016 trong đó có chữ ký của bà L và bà N, đây là chứng cứ cho giải quyết vụ án. Do đó, việc đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình đề nghị hoãn phiên tòa để nguyên đơn cung cấp tài liệu, chứng cứ không phải là những tài liệu, chứng cứ để xác định sự thật vụ án là không cần thiết nên Hội đồng xét xử vẫn tiếp tục giải quyết vụ án.

[4] Xét bị đơn bà Nguyễn Thị N đã được Tòa án tiến hành triệu tập, niêm yết hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng bị đơn bà Nguyễn Thị N vẫn vắng mặt không có lý do và không có ý kiến phản hồi.

Tại khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 quy định: “Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc”.

Bà Nguyễn Thị N đã tự tước bỏ quyền được chứng minh của mình qua việc không đến Tòa án tham gia tố tụng nên bà N phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử dựa trên yêu cầu khởi kiện và căn cứ và các tài liệu, chứng cứ do phía nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim L xuất trình để xem xét giải quyết và Tòa án xét xử vắng mặt bà N là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 207, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[5] Xét bà Nguyễn Thị Kim L yêu cầu bà Nguyễn Thị N trả tiền nợ gốc còn thiếu là 150.000.000 đồng, Hội đồng xét xử căn cứ vào Giấy vay tiền đề ngày 11/01/2016 thể hiện bà N vay của bà L số tiền 150.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng, bắt đầu từ ngày 01/4/2016 đến 01/4/2017; trong đó thỏa thuận, từ ngày 1/4/2016 đến 1/7/2016 trả mỗi tháng 5.000.000 đồng và 09 tháng kế tiếp, trả mỗi tháng 15.000.000 đồng. Bà L cho rằng sau khi viết giấy xác nhận đã vay tiền xong thì bà N không thực hiện trả nợ như đã cam kết. Như vậy bà N đã được Tòa án thông báo về yêu cầu khởi kiện của bà L nhưng bà N không có ý kiến nên Hội đồng xét xử chỉ căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để xác định bà N còn nợ bà L số tiền nợ gốc là 150.000.000 đồng là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Xét tại giấy vay tiền ngày 11/01/2016 giữa bà Nguyễn Thị Kim L và bà Nguyễn Thị N cũng không quy định mỗi tháng bà N phải trả tiền lãi là bao nhiêu và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bà L không yêu cầu bà N phải trả tiền lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Từ những nhận định trên, căn cứ Điều 471 và Điều 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim L buộc bà Nguyễn Thị N trả tiền nợ gốc 150.000.000 đồng.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị N phải chịu toàn bộ án phí trên yêu cầu của bà Nguyễn Thị Kim L được chấp nhận. Bà Nguyễn Thị Kim L được miễn nộp tiền tạm ứng án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 68, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 207, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào Điều 357, điểm c khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự 2015; Điều 471, 474 Bộ luật dân sự năm 2005.

Luật phí, lệ phí năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim L.

1.1 Buộc bà Nguyễn Thị N trả cho bà Nguyễn Thị Kim L số tiền nợ còn thiếu 150.000.000 (Một trăm năm mươi triệu) đồng.

Phương thức và thời hạn trả: Trả một lần toàn bộ số tiền trên ngay sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

1.2 Trường hợp bà Nguyễn Thị N chậm trả tiền thì bà N phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.1 Bà Nguyễn Thị Kim L được miễn nộp tiền tạm ứng án phí.

2.2 Bà Nguyễn Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 7.500.000 (Bảy triệu năm trăm nghìn) đồng.

3. Về quyền kháng cáo, kháng nghị:

3.1 Bà Nguyễn Thị Kim L được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Bà Nguyễn Thị N được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc Tòa án niêm yết hợp lệ bản án.

3.2 Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình;
- Chi cục THA dân sự quận Tân Bình;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Võ Tuấn Nhu

